

Bản án số: 185/2020/HSST

Ngày: 18-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chí.
2. Ông Hoàng Hồng Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư – Thư ký Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại Phòng xử án Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh – Số 416/2 đường Dương Quảng Hàm, Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 191/2020/HSST ngày 23/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2020/QĐXXST-HS ngày 28/10/2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu C1; sinh năm 2000, tại Tp. Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đào Văn T1 và bà Nguyễn Thị Phương N1; vợ con chưa có;

Tiền án: Ngày 09/01/2019 bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/7/2019).

Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 15/7/2020 (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

Ông Nguyễn Vũ Thiện T3 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường TN, Phường B, quận G., Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đỗ Mạnh T2 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C đường LDT, Phường D, quận G., Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 3/2020, anh Nguyễn Vũ Thiện T3 gửi 01 chiếc xe máy biển số 53V2-9133 tại quán ăn Tú Cận, địa chỉ số 247 đường TN, Phường 11, quận G., Tp. Hồ Chí Minh. Sau đó, Nguyễn Hữu C1 (là nhân viên quán Tú Cận) lấy trộm xe máy biển số 53V2-9133 của anh T3 để sử dụng. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, anh T3 không trình báo vụ việc mà tự đi tìm C1. Đến ngày 22/4/2020, anh T3 tìm được C1 ở gần khu nhà thờ Chính Trang, đường Lê Đức Thọ, Phường D, quận G., Tp. Hồ Chí Minh, C1 thừa nhận đã lấy trộm xe máy của anh T3 và đã đem bán nên anh T3 đưa C1 đến Công an Phường D, quận G., Tp. Hồ Chí Minh để trình báo.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận G., Tp. Hồ Chí Minh, Nguyễn Hữu C1 đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của bản thân như đã nêu trên.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 165/KL ngày 08/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận G., Tp. Hồ Chí Minh kết luận: Căn cứ kết quả khảo sát, giá trị xe máy Honda Wave biển số 53V2-9133, số máy 00ME-0099539, số khung 100M-0099539 (không thu hồi được) đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 31/3/2020 là 11.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 187/CTr-VKS ngày 20/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận G., Tp. Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu C1 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận G., Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết tăng nặng là tái phạm, tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Miễn phạt bổ sung cho bị cáo. Xử lý vật chứng theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận G., Tp. Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận G., Tp. Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hữu C1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Việc truy tố, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân quận G., Tp. Hồ Chí Minh đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Hữu C1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi muốn chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân nên vẫn cố tình phạm tội. Do đó, cần phải có mức án thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng giáo dục và phòng chống tội phạm nói chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo có tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5, Điều 173 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6]. Đối với ông Đỗ Mạnh T2, quá trình điều tra, ông T2 khai có mua chiếc xe máy biển số 53V2-9133 của C1 nhưng không làm giấy tờ mua bán. Sau đó, T2 đã bán lại chiếc xe máy này cho một người khác (không rõ lai lịch) nên Cơ quan Công an không thu hồi được chiếc xe máy biển số 53V2-9133. Khi mua xe, T2 không biết chiếc xe máy này do C1 trộm cắp mà có, không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với anh Nguyễn Vũ Thiện T3, tại phiên tòa anh T3 vắng mặt, nhưng qua hồ sơ thể hiện anh T3 yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe 11.000.000 đồng. Xét thấy, buộc bị cáo bồi thường cho anh T3

số tiền theo yêu cầu của người bị hại và kết luận định giá tài sản là 11.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[8]. Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm.

[9]. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu C1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2020.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Vũ Thiện T3 số tiền 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 550.000 (năm trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận G.;
- Công an quận G.;
- Trại giam nơi giam bị cáo;
- Cơ quan Thi hành án dân sự quận G.;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Anh Đức